

UBND TỈNH KON TUM      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VĂN PHÒNG      SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1542/PG.KTN      Số: 5370      Kon Tum, ngày 22 tháng 10 năm 2012  
UBN      Ngày 25/10/12

Chuyên: (S.Đ.K. T.Đ.) / (mua) /  
24  
w  
PHIẾU CHUYỂN

Văn bản số 7908/BKHĐT-HTX ngày 11/10/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận Văn bản số 7908/BKHĐT-HTX ngày 11/10/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2012, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013 (có văn bản kèm theo).

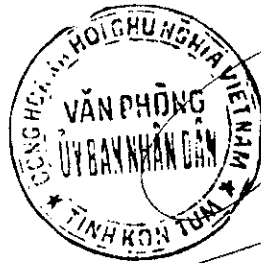
Căn cứ Quy chế làm việc của UBND tỉnh:

- Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh.
- Kết quả tham mưu gửi về UBND tỉnh trước ngày 15/11/2012./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Ct, các đ/c PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (t/h);
- Liên minh HTX tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

10/ CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG



Huỳnh Minh Chương

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7908 /BKHDĐT-HTX

V/v Tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2012, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2012

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Xây dựng; Giao thông vận tải; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

U.B.N.D TỈNH KON TUM	
ĐẾN	Số: 1705/Đ
	Ngày: 15/10/2012

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp Tình hình phát triển kinh tế tập thể năm 2012, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013 (báo cáo kèm theo).

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể đã được phân công và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013, tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể năm 2013 của Bộ, ngành, địa phương mình.

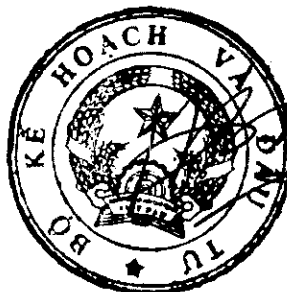
Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng và các đ/c lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Lưu: Vụ HTX, VT.

582

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đặng Huy Đông**



## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2012, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2013

(Kèm theo công văn số 1908 /BKHĐT-HTX ngày 11 tháng 1 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Tổng hợp báo cáo của các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và 49 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kế hoạch phát triển khu vực kinh tế tập thể năm 2013 bao gồm các nội dung như sau:

#### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2012

#### I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

##### 1. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

##### 1.1. Về số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Theo báo cáo của 49/63 tỉnh, thành phố<sup>1</sup>, ước tính đến cuối năm 2012 có tổng số 13.794 hợp tác xã, tăng 504 hợp tác xã so với năm 2011. Trong đó hợp tác xã nông lâm nghiệp thủy sản chiếm 46,84%; hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 14,77%; hợp tác xã thương mại chiếm 7,88%; hợp tác xã tín dụng chiếm 5,3%; hợp tác xã xây dựng chiếm 4,48%; hợp tác xã vận tải chiếm 3,92% và các hợp tác xã khác chiếm 6,68%.

Thanh Hóa và Nghệ An là 2 tỉnh có số hợp tác xã lớn nhất, tương ứng là 950 hợp tác xã và 855 hợp tác xã. Tiếp đến là Hà Giang: 730 hợp tác xã, Hà Tĩnh: 600 hợp tác xã, Thái Bình: 580 hợp tác xã. Các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ có số lượng hợp tác xã thấp nhất cả nước cụ thể: Ninh Thuận: 70 hợp tác xã, Bà Rịa - Vũng Tàu: 73 hợp tác xã, Bình Phước: 96 hợp tác xã.

Tổng hợp báo cáo của 25/63 tỉnh, thành phố<sup>2</sup>, ước đến cuối năm 2012 có 27 liên hiệp hợp tác xã.

<sup>1</sup> 14 địa phương không có số liệu gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Nam, Đắk Lắk, Khánh Hòa, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ.

<sup>2</sup> 25 địa phương có số liệu gồm: Lai Châu, Thái Nguyên, Bắc Giang, Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Trà Vinh, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đắk Nông, Lâm Đồng.

## **1.2. Về doanh thu và lợi nhuận bình quân của hợp tác xã**

Theo báo cáo của 41/63 địa phương<sup>3</sup>, doanh thu bình quân của các hợp tác xã năm 2012 ước đạt 1,74 tỷ đồng/HTX/năm, trong đó doanh thu của hợp tác xã từ giao dịch kinh tế với xã viên (theo báo cáo của 17 địa phương) ước đạt 1,24 tỷ đồng, chiếm 71,2% tổng doanh thu của hợp tác xã.

Lợi nhuận bình quân của hợp tác xã năm 2012 ước đạt 370,86 triệu đồng/HTX/năm, tăng 17,9% so với mức thực hiện 317,29 triệu đồng/HTX/năm năm 2011.

## **1.3. Về xã viên, lao động trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Theo báo cáo của 48/63 địa phương<sup>4</sup>, tổng số xã viên hợp tác xã năm 2012 ước là 6.314.068 xã viên, tăng 12.843 xã viên so với năm 2011. Các địa phương có số xã viên đông tập trung phần lớn ở vùng Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Nam Trung Bộ, như Nghệ An: 651.891 xã viên, Bình Định: 625.000 xã viên, Nam Định: 579.616 xã viên, Thái Bình: 530.000 xã viên, Vĩnh Phúc: 377.000 xã viên, Quảng Ngãi: 371.177 xã viên, Hải Phòng: 346.000 xã viên, Thanh Hóa: 320.059 xã viên; các tỉnh vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ có rất ít xã viên, cả 2 vùng chỉ có 258.207 xã viên, chiếm chưa tới 5% tổng số xã viên của cả nước.

Theo báo cáo của 42/63 địa phương<sup>5</sup>, tổng số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 1.586.293 người, trong đó số lao động là xã viên hợp tác xã là 1.441.030 người, chiếm 90,84% tổng số lao động.

Mặc dù bối cảnh kinh tế nhiều khó khăn, thu nhập bình quân của xã viên, người lao động trong hợp tác xã vẫn tăng lên đáng kể. Thu nhập bình quân của xã viên hợp tác xã năm 2012 ước đạt 18,26 triệu đồng/xã viên/năm, tăng 11,2 % so với thực hiện năm 2011; thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm 2012 ước đạt 17,83 triệu đồng/lao động/năm, tăng 11,7 % so với năm 2011. Xã viên các tỉnh vùng Đồng

<sup>3</sup> 22 địa phương không có số liệu gồm: Điện Biên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Khánh Hòa, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ.

<sup>4</sup> 15 địa phương không có số liệu gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Nam, Đắk Lắk, Khánh Hòa, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, An Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ.

<sup>5</sup> 21 địa phương không có số liệu gồm: Hòa Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Nam, Đắk Lắk, Khánh Hòa, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ.

bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ có thu nhập bình quân tương ứng là 32 triệu/xã viên/năm và 25,88 triệu/xã viên/năm, cao nhất cả nước. Xã viên các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng có thu nhập bình quân tương ứng là 8,62 triệu/xã viên/năm và 9,42 triệu đồng/xã viên/năm, thấp nhất cả nước.

#### **1.4. Về trình độ của cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Theo báo cáo của 35/63 địa phương<sup>6</sup>, năm 2012, tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã khoảng 45.045 người, trong đó:

Số lượng cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ sơ, trung cấp là 18.074 người, đạt tỉ lệ 41,52%, tăng 6,75% so với năm 2011. Các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ cán bộ quản lý trình độ trung cấp tương ứng là 26,88% và 22,99%, thấp nhất cả nước.

Số lượng cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ cao đẳng, đại học là 3.935 người, đạt tỉ lệ 8,74%. Các tỉnh vùng Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học cao nhất cả nước, tương ứng là 14,23% và 15,85%.

## **2. Về tổ hợp tác**

### **2.1. Về số lượng tổ hợp tác**

Tổng hợp báo cáo của 43/63 địa phương<sup>7</sup>, đến năm 2012, cả nước có gần 130.000 tổ hợp tác. Các tỉnh, thành phố có nhiều tổ hợp tác là Lào Cai: 6.839 tổ, Bắc Giang: 10.071 tổ, Thanh Hóa: 26.384 tổ, Quảng Bình: 5.700 tổ, Phú Yên: 6.019 tổ, Đắk Lắk: 5.046 tổ, Bình Thuận: 5.671 tổ, Hậu Giang: 5.564 tổ. Nếu như những năm trước đây loại hình tổ hợp tác phát triển mạnh ở khu vực Nam Bộ thì những năm gần đây loại hình này phát triển đều khắp ở các vùng, miền trên cả nước và tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tín dụng.

Vùng có số lượng tổ hợp tác nhiều nhất là vùng Bắc Trung Bộ có 36.279 tổ (chiếm 28,1% trong cả nước), sau đó là vùng Đông Bắc có 27.577 tổ (chiếm

<sup>6</sup> 28 địa phương không có số liệu gồm: Hòa Bình, Cao Bằng, Yên Bái, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Khánh Hòa, Ninh Thuận, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bến Tre, Kiên Giang, Long An, Cần Thơ.

<sup>7</sup> Các địa phương không có số liệu gồm: Bắc Cạn, Hà Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, TP Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang.

21,36%) và vùng Đông Nam Bộ có 23.148 tổ (chiếm 17,93%). Vùng có số tổ hợp tác ít nhất là vùng Tây Bắc có 528 tổ (chiếm 0,41%) và vùng Đồng bằng sông Hồng<sup>8</sup> có 2.855 tổ (chiếm 2,21%).

## 2.2. Về số lượng tổ viên tổ hợp tác

Theo báo cáo của 41/63 tỉnh, thành phố<sup>9</sup>, năm 2012, cả nước có khoảng 1.686.500 tổ viên tham gia trong tổ hợp tác, trung bình một tổ hợp tác có khoảng 13,06 tổ viên. Tổ hợp tác ở các tỉnh vùng Đông Nam bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng tổ viên đông, trung bình khoảng 23 người/tổ. Trong khi đó, tổ hợp tác thuộc các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng có số lượng tổ viên ít, trung bình khoảng 6 người/tổ, thể hiện sự khác biệt khá rõ rệt về số lượng tổ viên trung bình trong một tổ hợp tác giữa các vùng miền của cả nước.

## 2.3. Về lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác

Lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác rất đa dạng, gần như trong mọi lĩnh vực, ngành nghề của nền kinh tế. Có những tổ hợp tác chỉ hoạt động trong một lĩnh vực duy nhất, nhưng cũng có tổ hoạt động đồng thời nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Có những tổ hoạt động vì mục đích kinh tế, nhưng cũng có những tổ hoạt động không vì mục đích kinh tế.

Theo báo cáo của 31/63 địa phương<sup>10</sup>, số tổ hợp tác hoạt động với mục đích không phải kinh tế là 57.146 tổ, thường không có tài sản, vốn góp chung. Mục đích hoạt động của tổ hợp tác nhằm tương trợ, giúp đỡ nhau về lao động (tổ vận công, đổi công), hoặc để hỗ trợ tiêu thụ nông sản và chia sẻ kinh nghiệm sản xuất kinh doanh (tổ giống, tổ chăn nuôi, câu lạc bộ khuyến nông), hoặc để tiếp cận các dịch vụ, hỗ trợ của Nhà nước (tổ liên kết vay vốn). Loại tổ này thường có số lượng thành viên tham gia nhiều, doanh thu cũng như thu nhập của tổ không quan trọng, rất thấp hoặc không có. Các tổ thường được thành lập dưới sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị - xã hội như: hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, ngân hàng chính sách...

<sup>8</sup> Chỉ có 2/9 tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Hồng có số liệu báo cáo là Hà Nam và Hưng Yên.

<sup>9</sup> Các địa phương không có số liệu gồm: Bắc Cạn, Hà Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, tp Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang, Bắc Ninh.

<sup>10</sup> Các địa phương không có số liệu gồm: Bắc Cạn, Hà Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Bình Định, tp Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Cà Mau.

Số tổ hợp tác hoạt động với mục đích kinh tế là 48.953 tổ (báo cáo của 38/63 địa phương<sup>11</sup>). Các tổ hợp tác hoạt động vì mục đích kinh tế do người dân lập ra để tiến hành một hoặc một số hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ yếu hình thành tự phát do nhu cầu cần hợp tác để sản xuất, kinh doanh với nguồn vốn lớn, quy mô rộng. Doanh thu và lợi nhuận lớn, số lượng thành viên tham gia vào tổ thường không nhiều. Các thành viên tham gia phải có hợp đồng hợp tác bằng văn bản, có chứng thực của chính quyền xã, có góp vốn hoặc tài sản. Tổ có quy chế hoạt động tương đối rõ. Nhóm quản lý có tổ trưởng, tổ phó và trợ lý thường xuyên.

## **II. ĐÁNH GIÁ THEO VÙNG**

### **1. Vùng miền núi phía Bắc**

#### **1.1. Vùng Đông Bắc**

Ước năm 2012 toàn vùng có 3.746 hợp tác xã trong đó hơn 251 hợp tác xã thành lập mới, 11 hợp tác xã giải thể và thu hút 542.606 xã viên; số lượng tổ hợp tác là 34.302 tổ, trong đó có gần 847 tổ hợp tác thành lập mới, thu hút hơn 531.632 thành viên.

Nhìn chung, các hợp tác xã trong vùng hoạt động trong phạm vi hẹp, chưa đủ mạnh để vươn lên tổ chức hoạt động kinh doanh đa dạng và mở rộng thị trường. Do hoạt động còn kém hiệu quả nên thu nhập của cán bộ quản lý hợp tác xã, xã viên và lao động còn thấp. So với các hợp tác xã nông nghiệp, hoạt động của các hợp tác xã phi nông nghiệp có hiệu quả hơn, góp phần đáp ứng có hiệu quả nhu cầu việc làm ổn định cho người lao động và đóng góp ngân sách nhà nước, góp phần giảm nghèo và giảm thiểu các vấn đề xã hội ở địa phương trong vùng, điển hình như: Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi Đội Cấn, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp Tràng An tỉnh Tuyên Quang; hợp tác xã vận tải Bó Hạ, Yên Thế, Bắc Giang; quỹ tín dụng nhân dân xã Việt Ngọc, Tân Yên, quỹ tín dụng nhân dân Quý Sơn, Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang.

#### **1.2. Vùng Tây Bắc**

Đến cuối năm 2012, toàn vùng có 761 hợp tác xã, trong đó có 61 hợp tác xã thành lập mới và 12 hợp tác xã giải thể. Năm 2012, doanh thu trung bình của

---

<sup>11</sup> Các địa phương không có số liệu gồm: Bắc Cạn, Hà Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Gia Lai, Quảng Ngãi, Bình Định, tp Hồ Chí Minh, Long An, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Cà Mau.

hợp tác xã trong vùng ước khoảng 646,67 triệu đồng, tổng lợi nhuận bình quân ước đạt 93,33 triệu đồng. So sánh với năm 2011, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012 của các hợp tác xã có khả quan hơn, nhưng vẫn chưa có những bứt phá đáng kể.

Tổng số xã viên trong hợp tác xã tính cuối năm 2012 là 77.148 người, trong đó tỉnh có số lượng xã viên lớn nhất là Hòa Bình với hơn 30.000 xã viên. Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 28.772 người, trong đó có 23.298 lao động thường xuyên là xã viên. Thu nhập trung bình của xã viên ước tính trong năm 2012 là 22,83 triệu đồng, Thu nhập bình quân của một lao động trong hợp tác xã là khoảng 20,4 triệu đồng.

Đến cuối năm 2012, toàn vùng có khoảng 2.125 tổ hợp tác. Doanh thu bình quân một tổ hợp tác ước đạt 165 triệu đồng/năm và lợi nhuận bình quân ước đạt 56 triệu đồng/năm, mức thu nhập bình quân của một tổ viên khoảng 9,67 triệu đồng/năm.

## **2. Vùng Đồng bằng sông Hồng**

Tổng hợp báo cáo của 7/10 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng, đến hết năm 2012 có khoảng 2.944 hợp tác xã và 2 liên hiệp hợp tác xã, trong đó thành lập mới 73 hợp tác xã, thu hút thêm 37.695 xã viên mới, đưa tổng số xã viên lên 2.429.474 xã viên.

Năm 2012, thành lập mới khoảng 75 tổ hợp tác, nâng tổng số tổ hợp tác cả vùng lên 8.932 tổ hợp tác với 79.337 thành viên.

Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã qua đào tạo là: đạt trình độ trung cấp: 57,74%; đạt trình độ đại học trở lên: 11,18%, tăng so với năm 2011.

Thu nhập của người lao động, xã viên và thành viên tổ hợp tác còn thấp, nhất là trong điều kiện kinh tế khó khăn hiện nay: thu nhập bình quân một lao động trong kinh tế tập thể đạt 11,5 triệu đồng/năm; của xã viên đạt 9,42 triệu đồng/năm và thu nhập bình quân 1 thành viên tổ hợp tác đạt 10,33 triệu đồng/năm.

## **3. Vùng Bắc Trung bộ**

Đến cuối năm 2012, vùng Bắc Trung Bộ có khoảng 3.275 hợp tác xã, trong đó số thành lập mới là 179 hợp tác xã. Tổng số xã viên hợp tác xã là 1.637.016 xã viên, trong đó số xã viên mới gia nhập là 2.947 xã viên. Tổng số



liên hiệp hợp tác xã là 5. Doanh thu bình quân của 1 hợp tác xã là 1.965,6 triệu đồng/năm

Tổng số tổ hợp tác là 40.063, trong đó số thành lập mới là 810. Tổng số thành viên tổ hợp tác là 211.872 người, trong đó số thành viên mới gia nhập là 5.870 người. Doanh thu bình quân của tổ hợp tác 373,5 triệu đồng/năm.

Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã qua đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp là 3.164 người; trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học 319 người.

Thu nhập bình quân năm của một lao động thường xuyên trong hợp tác xã là 14,58 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân năm của một xã viên hợp tác xã 8,62 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân năm của một thành viên tổ hợp tác 13,92 triệu/năm.

#### **4. Vùng Nam Trung Bộ**

Theo báo cáo của 4/6 tỉnh Nam Trung Bộ, hết năm 2012 có khoảng 797 hợp tác xã, trong đó thành lập mới 17, giải thể 34; có 5.826 tổ hợp tác, trong đó thành lập mới là 12. Tuy nhiên, chỉ có 179 tổ hợp tác đăng ký chứng thực với chính quyền địa phương.

Doanh thu trung bình của một hợp tác xã là 3.053,67 triệu đồng/năm. Lợi nhuận bình quân của một hợp tác xã là 90,17 triệu đồng/năm; lợi nhuận bình quân của 1 tổ hợp tác là 120 triệu đồng/năm.

Tổng số xã viên hợp tác xã là 1.200.143 người, trong đó có 194 xã viên mới; tổng số thành viên tổ hợp tác là 97.510 người, trong đó có 175 thành viên mới. Thu nhập bình quân của xã viên hợp tác xã là 15,39 triệu đồng/năm, thành viên của tổ hợp tác là 15,52 triệu đồng/năm.

Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã là 2.664 người, trong đó cán bộ đã qua sơ cấp, trung cấp chiếm khoảng 62,5%, cán bộ đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm khoảng 14,23%.

#### **5. Vùng Tây Nguyên**

Tổng hợp báo cáo của 4/5 tỉnh thuộc Tây Nguyên, đến hết năm 2012 ước có khoảng 536 hợp tác xã và 3 liên hiệp hợp tác xã (trong đó thành lập mới 37 hợp tác xã), thu hút 1.155 xã viên mới, đưa tổng số xã viên là 107.602 xã viên.

Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã qua đào tạo trình độ trung cấp đạt 46,05%, tăng 1,69% so với năm 2011; trình độ đại học trở lên đạt 13%, không tăng so với năm 2011.

Thu nhập bình quân một xã viên năm 2012 dự kiến đạt 12,33 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân một lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đạt 11,88 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân một thành viên tổ hợp tác đạt 9,53 triệu đồng/năm.

Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã năm 2012 khá cao, đạt 184,23 triệu đồng/năm.

## **6. Vùng Đông Nam bộ**

Theo báo cáo của 5/8 tỉnh, toàn vùng có khoảng 655 hợp tác xã với 150.905 xã viên; trong đó, 50 hợp tác xã thành lập mới, 4.592 xã viên mới gia nhập. Tổng doanh thu bình quân của một hợp tác xã trong vùng khoảng 1,65 tỷ đồng/năm.

Theo báo cáo, toàn vùng có khoảng 12.619 tổ hợp tác (trong đó, số thành lập mới là 204 tổ hợp tác) với tổng số thành viên tổ hợp tác là 307.381 người (trong đó, thành viên mới thu hút là 2.676 người). Doanh thu bình quân một tổ hợp tác khoảng 650 triệu đồng. Khu vực tổ hợp tác thu hút được nhiều người tham gia, mang lại việc làm và thu nhập khá cho thành viên.

Thu nhập bình quân của xã viên hợp tác xã đạt khoảng 26 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong hợp tác xã là 23 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân của thành viên tổ hợp tác đạt mức bình quân là 23 triệu đồng/năm.

Tỷ lệ cán bộ hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ sơ cấp, trung cấp là 44,7%; tỷ lệ cán bộ hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 15,8%.

## **7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

Tổng hợp báo cáo của 7/13 tỉnh, thành phố, hết năm 2012, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 1.080 hợp tác xã, 8 liên hiệp hợp tác xã và 20.880 tổ hợp tác, tăng 109 hợp tác xã và 548 tổ hợp tác so với năm 2011. Các hợp tác xã, tổ hợp tác thu hút 169.174 xã viên hợp tác xã và 496.149 thành viên tổ hợp tác, tăng 5.580 xã viên và 41.899 thành viên tổ hợp tác so với năm 2011.

Hợp tác xã góp phần giải quyết 33.500 việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao thu nhập của xã viên và người lao động. Thu nhập bình quân của xã viên hợp tác xã năm 2012 ước đạt 32 triệu/năm (tăng 7,8% so với năm 2011), của lao động trong hợp tác xã ước đạt 26,17 triệu đồng/năm (tăng 5,2% so với năm 2011).

Trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã vẫn còn rất thấp. Tỷ lệ cán bộ hợp tác xã đạt trình độ trung cấp là 22,9% và tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ đại học là 7,41%.

### **III. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI**

#### **1. Một số tồn tại chung**

1) Kinh tế tập thể tuy đã có những chuyển biến tích cực nhưng còn rất chậm và chưa đồng đều, năng lực nội tại hạn chế. Nhiều hợp tác xã vẫn chưa thích ứng được với cơ chế thị trường, hoạt động chưa hiệu quả, lợi ích đem lại cho thành viên chưa nhiều, đặc biệt là trong khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn ứng dụng khoa học kỹ thuật. Hầu hết các hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn về trình độ quản lý, vốn, công nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm, v.v.

2) Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã nhìn chung còn thấp. Đến nay, tỷ lệ chủ nhiệm, kế toán trưởng hợp tác xã có trình độ sơ, trung cấp trở lên chiếm khoảng 38,59%, tỷ lệ chủ nhiệm có trình độ đại học trở lên chiếm khoảng 8,69%.

3) Nhìn chung các hợp tác xã yếu cả về năng lực quản trị và khả năng tài chính; năng lực của hợp tác xã trong tiếp cận các nguồn vốn chính thức còn thấp; công nghệ, kỹ thuật và quy mô hoạt động nhỏ bé; sức cạnh tranh yếu, thiếu tính nhạy bén với thị trường; chưa thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ cho kinh tế hộ xã viên; phần lớn cán bộ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã chưa qua đào tạo cơ bản.

Hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động chủ yếu nhờ vốn tự có, chiếm tới khoảng 70% tổng vốn của hợp tác xã, tổ hợp tác, trong khi vốn tự có cũng rất thấp và chủ yếu nằm ở tài sản cố định. Tỷ lệ vốn đầu tư của kinh tế tập thể chiếm tỷ lệ quá thấp so với các thành phần kinh tế khác và so với tỷ trọng của nó trong GDP cả nước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2010 tổng vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực hợp tác xã ước khoảng 67.700 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng vốn sản

xuất, kinh doanh của nền kinh tế, thấp nhất trong các thành phần kinh tế, trong khi đó tỷ trọng đóng góp vào GDP năm 2010 của kinh tế tập thể là 5,35%.

4) Liên kết giữa xã viên với nhau, giữa xã viên với hợp tác xã và giữa các hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác còn yếu; khả năng huy động vốn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu mở rộng quy mô, lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã.

5) Nhiều hợp tác xã chưa tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc hợp tác xã, nhất là về việc xã viên sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Tỷ lệ giá trị dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho xã viên còn rất thấp trong tổng giá trị sản xuất của hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và các ngành nghề khác được thành lập và tổ chức hoạt động chưa theo đúng nguyên tắc hợp tác xã; không ít hợp tác xã hoạt động thực chất như là doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp.

6) Công tác tuyên truyền và hướng dẫn thành lập hợp tác xã, việc thực thi các chính sách các ưu đãi, khuyến khích của nhà nước đối với hợp tác xã còn chưa thực hiện tốt, chưa hiệu quả. Mặt khác, do khả năng nắm bắt thông tin hỗ trợ phát triển và năng lực còn yếu, nhiều hợp tác xã chưa chủ động tiếp cận và hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

## **2. Nguyên nhân của tồn tại**

Các tồn tại nêu trên bao gồm nguyên nhân từ phía hợp tác xã và nguyên nhân về môi trường pháp lý, chính sách sau đây.

### **2.1. Nguyên nhân từ phía hợp tác xã**

1) Nguyên nhân nổi bật là, nhận thức về bản chất hợp tác xã kiểu mới, đặc biệt các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã của đại bộ phận xã viên, cán bộ quản lý hợp tác xã còn chưa đầy đủ, từ đó dẫn đến dễ hiểu sai, vận dụng chệch, hạn chế tiềm năng phát triển hợp tác xã, làm hợp tác xã phát triển chưa vững chắc, chưa thực sự hấp dẫn xã viên, chưa thể hiện rõ lợi ích, lợi thế của mình đối với xã viên. Đồng thời, không ít hợp tác xã chưa tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về hợp tác xã; hoạt động hình thức, kém hiệu quả, hoặc không đúng bản chất hợp tác xã.

2) Bản thân hợp tác xã, tổ hợp tác cũng như các xã viên, thành viên của mình còn thiếu chủ động, thiếu tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ, chưa có đầy

đủ năng lực trong tổ chức, hoạt động của hợp tác xã ; vừa chậm thích ứng với cơ chế thị trường, vừa có tâm lý ỷ lại trông chờ trợ cấp của Nhà nước; hợp tác xã chưa thực hiện được tốt dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho xã viên là nhu cầu đang rất cấp bách hiện nay.

3) Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với hợp tác xã, tổ hợp tác chưa hiệu quả, chưa tác động tích cực rõ nét vào nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.

## **2.2. Nguyên nhân về môi trường pháp lý, chính sách**

1) Nhận thức của các cấp uỷ đảng, các ngành, cán bộ quản lý nhà nước về bản chất tổ chức hợp tác xã, về vai và vị trí trò của hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường chưa thực sự đầy đủ và thống nhất. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, nhất là cấp xã, một mặt chưa thực sự quan tâm giúp đỡ hợp tác xã; mặt khác có biểu hiện can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ hợp tác xã. Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về hợp tác xã còn chưa sâu rộng tới đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2) Ngày càng bộc lộ rõ hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003 đã được trình bày tại Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đang được Quốc hội xem xét cho ý kiến thông qua, trong đó hạn chế nổi bật là chưa làm rõ bản chất tổ chức hợp tác xã, sự khác biệt và ưu thế của nó so với doanh nghiệp và các tổ chức khác.

3) Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã theo quy định tại Nghị định 88/NĐ-CP chưa khả thi, chưa phát huy tác dụng cao; công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể ở các bộ, ngành và địa phương bị buông lỏng kéo dài, phần lớn các địa phương chưa thành lập và phân công rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể ở cấp tỉnh; phân công chưa rõ ràng và thống nhất trách nhiệm quản lý nhà nước ở cấp huyện và hầu như chưa triển khai thực hiện ở cấp xã.

4) Chưa có hệ thống dịch vụ hỗ trợ, tư vấn có hiệu quả đối với các tổ chức kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường, như về thành lập, tổ chức hoạt động, tiếp thị và kiểm toán hợp tác xã.

## **IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ**

### **1. Tình hình triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn**

#### **1.1. Ở cấp trung ương**

Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp trong năm 2012, một số bộ, ngành chỉ đạo triển khai, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động sau đây:

1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và đang tiến hành xây dựng bộ tài liệu tập huấn hợp tác xã và tổ hợp tác theo phương pháp gắn thực tiễn vào bài giảng, áp dụng phương pháp giảng dạy có sự tham gia của học viên.

2) Ngân hàng nhà nước đang khẩn trương xây dựng các văn bản dưới Luật hướng dẫn một số nội dung cụ thể đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo hướng đảm bảo an toàn và tăng cường tính liên kết hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, tránh tình trạng các quỹ tín dụng nhân dân hoạt động sai bản chất của mô hình tổ chức tín dụng hợp tác; tập trung giải quyết các vấn đề vốn, quản trị điều hành, đảm bảo an toàn hoạt động và tính liên kết hệ thống thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, phát huy sức mạnh tập thể và từng thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tiến hành tổng kết 6 năm (2007-2012) thực hiện chính sách hỗ trợ thành lập mới và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác để đánh giá lại tình hình thực hiện chính sách, đồng thời đề xuất một số chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện chính sách trong các giai đoạn tiếp theo.

#### **1.2. Ở cấp địa phương**

Để các chủ trương, chính sách, pháp luật về hợp tác xã đi vào cuộc sống, nhiều địa phương đã xây dựng và ban hành các Nghị quyết, chương trình hành động trong đó cụ thể hóa nhiệm vụ của các cấp, ngành có liên quan đến kinh tế tập thể.

1) Tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Nghị quyết số 44/2011/NQ-HĐND ngày 22/12/2011, qua đó đề ra mục tiêu, định hướng và các giải pháp phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2012 - 2015; tỉnh KonTum đang triển khai thực hiện “Đề án

thí điểm phát triển loại hình nhóm, tổ hợp tác sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm xây dựng thôn, làng thành cộng đồng phát triển kinh tế bền vững giai đoạn 2011 - 2015” trên địa bàn của tỉnh; tỉnh Lai Châu đã phê duyệt Đề án “Củng cố và phát triển kinh tế tập thể tỉnh Lai Châu giai đoạn 2012 - 2015”.

2) Một số địa phương chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tăng cường việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức như: gửi tài liệu tuyên truyền, phối hợp với các báo, đài địa phương viết bài, đưa tin tuyên truyền về kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ chức tuyên truyền, biểu dương các hợp tác xã tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã mở được 2 lớp tuyên truyền phổ biến Luật Hợp tác xã và chính sách phát triển kinh tế hợp tác cho 200 đối tượng thuộc các xã điểm xây dựng mô hình nông thôn mới, phát hành 3 tờ tin kinh tế tập thể đến các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tỉnh Tiền Giang đã thực hiện 29 cuộc tuyên truyền, hướng dẫn thành lập mới hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức 4 lớp với khoảng 200 người tuyên truyền Luật hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Tuy nhiên, tại một số địa phương, các cấp ủy Đảng, chính quyền vẫn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến phát triển kinh tế tập thể. Một số cơ chế chính sách đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã chậm ban hành và sửa đổi, chưa có tác dụng tích cực đến kinh tế tập thể. Mặt khác, bản thân các hợp tác xã thiếu tìm tòi học hỏi vươn lên, trình độ và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ quản lý các hợp tác xã còn yếu, tính năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm còn hạn chế nên việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể hiệu quả chưa cao.

## **2. Quản lý nhà nước về kinh tế tập thể**

### **2.1. Ở Trung ương**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác xã trên phạm vi cả nước; trong đó có Vụ Hợp tác xã là đơn vị chuyên trách, tham mưu, giúp Bộ và Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

Tại các bộ, ngành khác về cơ bản, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý về kinh tế tập thể thuộc ngành, lĩnh vực nào sẽ được giao cho bộ quản lý ngành, lĩnh vực

đó thực hiện và quy định tại các Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang Bộ gồm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng và Ngân hàng nhà nước Việt Nam; theo đó các bộ này được thành lập tổ chức chuyên trách thực hiện. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác còn lại không cần thành lập tổ chức chuyên trách mà giao cho một tổ chức hoặc đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ đảm nhiệm.

Đến nay, sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức các bộ, cơ quan ngang bộ theo Đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XII, các tổ chức, đơn vị này đã được quy định cụ thể trong cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ như sau:

- Bộ Công thương có Cục Công nghiệp địa phương (nhiệm kỳ Chính phủ khóa XI Bộ Công nghiệp có Cục Công nghiệp địa phương, Bộ Thương mại có Vụ Quản lý thị trường trong nước thực hiện chức năng này).

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn

- Bộ Giao thông vận tải có Vụ Vận tải.

- Bộ Xây dựng có Vụ Quản lý hoạt động xây dựng

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng.

Như vậy, hiện nay chỉ có Bộ Kế hoạch và Đầu tư (có Vụ Hợp tác xã với 14 cán bộ), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phòng Kinh tế hợp tác thuộc Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn với khoảng 4-5 cán bộ) thành lập được tổ chức chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực còn lại không thành lập được tổ chức chuyên trách mà giao cho một tổ chức hoặc đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của bộ đảm nhiệm.

## **2.2. Ở địa phương**

Ủy ban nhân dân các cấp vẫn chưa tổ chức được bộ máy quản lý nhà nước chuyên trách về kinh tế tập thể tại cấp mình, mà phần lớn chỉ phân công một cán bộ chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) theo dõi về kinh tế tập thể. Ở cấp tỉnh, ngành kế hoạch có Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, tuy nhiên tại đa số các



Sở, chưa có phòng nghiệp vụ theo dõi kinh tế tập thể, thường phân công không thống nhất đơn vị trực thuộc kiêm nhiệm, như phòng Nông nghiệp, phòng Đăng ký kinh doanh hoặc phòng Kinh tế ngành. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Chi cục hợp tác xã và Phát triển nông thôn trực thuộc Sở để tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, nhưng có số biên chế rất ít. Các Sở, ngành còn lại không có các phòng nghiệp vụ mà chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác kinh tế tập thể.

Ở cấp huyện, phòng Tài chính- Kế hoạch là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Tuy nhiên, phần lớn cơ sở mới chỉ bố trí được cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. Đối với lĩnh vực quan trọng như nông nghiệp, theo báo cáo của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhiều địa phương cũng mới bố trí được cán bộ kiêm nhiệm theo dõi tình hình các hợp tác xã nông nghiệp ở cấp huyện, rất ít nơi bố trí được cán bộ chuyên trách theo dõi.

Ở cấp xã hầu như không có cán bộ theo dõi về kinh tế tập thể.

### **3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã**

#### **3.1. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác**

Năm 2012, ngân sách trung ương hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ thành lập mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác là 45.000 triệu đồng.

Nhìn chung, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực thực hiện kế hoạch hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác. Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, năm 2012 sẽ hỗ trợ thành lập mới khoảng 784 hợp tác xã, hỗ trợ đào tạo gần 2.450 cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ chức bồi dưỡng cho gần 25.350 cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác.

Tuy nhiên, công tác đào tạo, bồi dưỡng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, như:

- Một số địa phương mới chỉ quan tâm đến đối tượng là cán bộ hợp tác xã, xã viên hợp tác xã, chưa quan tâm bồi dưỡng các cán bộ quản lý nhà nước về

kinh tế tập thể, trong khi hầu hết cán bộ ở các sở, ngành, cấp huyện chỉ bố trí kiêm nhiệm chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ, kiến thức về kinh tế tập thể.

- Một số định mức chi trong Thông tư 66/TT-BTC quá thấp, không còn phù hợp với thực tế. Ví dụ, các quy định về mức hỗ trợ thù lao cho giảng viên, báo cáo viên tại các lớp tập huấn cho các sáng lập viên chuẩn bị thành lập hợp tác xã và tại các lớp đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng của hợp tác xã rất thấp.

### **3.2. Chính sách đất đai**

Chính phủ đã có các quy định về ưu đãi đất đai đối với hợp tác xã (Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về tiền thuê đất, thuê mặt nước, Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, nhưng việc thực hiện rất chậm và khó khăn; Bộ Tài nguyên - Môi trường vẫn chưa có văn bản hướng dẫn trình tự, thủ tục cụ thể để thực hiện. Năm 2012 mới chỉ có khoảng 345 hợp tác xã được hỗ trợ giao 2.881.708 m<sup>2</sup> đất không thu tiền sử dụng đất; 257 hợp tác xã được thuê đất với tổng diện tích được thuê 678.530 m<sup>2</sup>, rất ít so với tổng số hợp tác xã hiện có trên toàn quốc.

### **3.3. Chính sách thuế**

Cục Thuế một số địa phương đã thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hợp tác xã có đủ điều kiện. Năm 2012 có khoảng 420 hợp tác xã được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ xã viên với tổng số tiền là 6.316 triệu đồng; số hợp tác xã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là 678 hợp tác xã với số tiền khoảng 12.995 triệu đồng.

### **3.4. Chính sách tín dụng**

Năm 2012 có khoảng 538 hợp tác xã được tiếp cận, hỗ trợ về tín dụng với số tiền được vay là 222.622 triệu đồng, tăng khá so với năm 2011; giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 1.679 hợp tác xã được vay vốn tại các tổ chức tín dụng với tổng số vốn vay khoảng 312.664 triệu đồng.

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước, phân theo mức cho vay, đến 31/5/2011, có 96 hợp tác xã, tổ hợp tác được vay từ 50 triệu đến dưới 200 triệu

đồng; 122 hợp tác xã, tổ hợp tác được vay từ 200 triệu đến 500 triệu và 713 hợp tác xã, tổ hợp tác được vay trên 500 triệu đồng.

### ***3.5. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại***

Năm 2012 có khoảng 260 hợp tác xã được hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại với tổng số tiền hỗ trợ khoảng 3.216 triệu đồng.

Ngoài ra, hợp tác xã được tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và được hưởng tất cả các chính sách áp dụng chung cho doanh nghiệp (chính sách về xuất khẩu, ưu đãi đầu tư, chính sách đối với doanh nghiệp ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, xúc tiến thương mại...). Tuy nhiên, các hợp tác xã hầu như chưa chủ động để được hưởng ưu đãi này, đặc biệt là đăng ký thương hiệu và đăng ký sản phẩm thương mại, đưa tên hợp tác xã và các sản phẩm, dịch vụ lên mạng internet để quảng bá.

### ***3.6. Chính sách hỗ trợ ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công***

Chính sách về khoa học - công nghệ được các tỉnh triển khai thực hiện thông qua Trung tâm khuyến công để đầu tư hỗ trợ phát triển làng nghề, hoặc thông qua Trung tâm khuyến nông để chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi và hướng dẫn nông dân kỹ thuật mới về chăn nuôi, trồng trọt. Năm 2012, đã hỗ trợ gần 4.606 triệu đồng cho 60 hợp tác xã đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

### ***3.7. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và tham các chương trình phát triển kinh tế - xã hội***

Theo khoản 2, Điều 11 Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 về một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hợp tác xã được ưu tiên tham gia các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn và quản lý các công trình sau khi hoàn thành, kể cả công trình hạ tầng phục vụ phát triển cụm công nghiệp và cụm làng nghề ở nông thôn. Tuy nhiên các công trình nêu trên thường sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Do vậy, chủ đầu tư thực hiện các công trình này phải tuân thủ quy định Luật ngân sách và Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn. Hợp tác xã khi tham gia vào các công trình phải đáp ứng các yêu cầu quy định của pháp luật trong khi năng lực kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các hợp tác

xã nhìn chung yếu hơn so với doanh nghiệp, nên gặp khó khăn trong việc tiếp cận và tham gia thực hiện các công trình hạ tầng ở địa phương.

#### **4. Tình hình hỗ trợ liên minh hợp tác xã các cấp**

##### **4.1. Hỗ trợ Liên minh hợp tác xã Việt Nam**

Năm 2012, Liên minh HTX Việt Nam được nhà nước hỗ trợ 34 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể. Trong đó:

- Dự án Phòng thí nghiệm và kiểm tra chất lượng sản phẩm thủ công mỹ nghệ: 8 tỷ đồng.

- Dự án Hạ tầng mạng thông tin: 6 tỷ đồng.

- Dự án Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Trung – Tây Nguyên: 20 tỷ đồng.

Nhìn chung các dự án đều được triển khai đúng kế hoạch, tiến độ, không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

##### **4.2. Hỗ trợ Liên minh hợp tác xã các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và kinh phí xây dựng cơ bản cho liên minh hợp tác xã 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Hiện nay chưa có số liệu báo cáo nguồn kinh phí này của Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh.

## Phần thứ hai

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2013

#### I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2013

##### 1. Các mục tiêu cụ thể

Năm 2013, kinh tế tập thể ước đạt các mục tiêu sau đây:

+ Về phát triển hợp tác xã:

Tỷ lệ đóng góp vào GDP: 4,9% - 5%

Thành lập mới: 1.196 hợp tác xã;

Thu hút mới: 77.480 xã viên;

Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã: 405,55 triệu đồng;

Thu nhập bình quân xã viên hợp tác xã: 20,4 triệu đồng;

Số cán bộ hợp tác xã đã qua đào tạo: trình độ sơ cấp, trung cấp là 32.760 người; trình độ cao đẳng, đại học là 8.680 người.

+ Về phát triển tổ hợp tác:

Thành lập mới: 3.340 tổ hợp tác;

Thu hút mới: 62.840 thành viên tổ hợp tác;

Lợi nhuận bình quân một tổ hợp tác: 127,06 triệu đồng;

Thu nhập bình quân thành viên tổ hợp tác: 17,18 triệu đồng.

##### 2. Định hướng chung phát triển kinh tế tập thể

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng mà nòng cốt là hợp tác xã. Tập trung phát triển mới hợp tác xã ở các vùng nguyên liệu, cánh đồng mẫu lớn gắn kết thực hiện các chương trình, dự án của địa phương, góp phần tích cực vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ở địa phương.

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực nội tại, huy động khai thác tốt hơn khả năng góp vốn, góp công, góp sức của các thành viên của các tổ hợp tác, hợp tác xã để vừa làm tốt vai trò “bà đỡ” cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển, vừa mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh để không ngừng tăng cường

thực lực kinh tế, tài chính cho tổ hợp tác, hợp tác xã, tăng khả năng cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

Khuyến khích phát triển kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã (từ thấp đến cao, không giới hạn về quy mô, địa bàn, ngành, lĩnh vực), thúc đẩy kinh tế hộ, kinh tế trang trại thành viên phát triển; tăng cường thực hiện sự liên kết giữa kinh tế hộ với kinh tế tập thể, giữa kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác; gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới làm cho kinh tế tập thể cùng kinh tế nhà nước sớm trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã gắn chặt với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, bảo đảm thường xuyên các hoạt động kiểm tra, kiểm soát của cộng đồng và các cơ quan chức năng, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự bàn, tự quyết và tự chịu trách nhiệm của các thành viên và của tổ chức kinh tế tập thể.

Tập trung hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động khắc phục yếu kém về tổ chức quản lý, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, huy động vốn góp... hỗ trợ các hợp tác xã chuyển đổi hoặc bổ sung ngành nghề mới phù hợp, đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu, tăng cường liên doanh liên kết, tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm.

Giải thể các hợp tác xã ngừng hoạt động, hợp tác xã không có khả năng củng cố. Tiếp tục hỗ trợ; hướng dẫn các tổ hợp tác chứng thực hợp đồng hợp tác theo quy định.

### **3. Định hướng cụ thể trên một số lĩnh vực**

*Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thủy sản:* Xây dựng hợp tác xã mới ở những vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn, vùng nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu, vùng kinh tế vườn với các loại cây ăn trái đặc sản, vùng chăn nuôi gia súc gia cầm theo hướng sạch, an toàn phù hợp với nhu cầu thực tế. Song song với việc thành lập mới, tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã hiện có, hướng dẫn chuyển đổi hoặc mở rộng ngành nghề phù hợp, sản xuất cần gắn với chế biến để tăng giá trị hàng hóa, tăng thu nhập cho nông dân đồng thời giải quyết lao động tại địa phương ở các xã của Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho các hợp tác xã chuyên sản xuất các loại

trái cây đặc sản, các sản phẩm sạch và an toàn cho người sử dụng được ứng dụng sản xuất theo quy trình VietGap, Global GAP...

Vận động hướng dẫn thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ thủy, hải sản gắn với phát triển du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường.

*Trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:* Hỗ trợ cho hợp tác xã tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua việc tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp được tham gia các chương trình, dự án về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, đổi mới trang thiết bị, đào tạo tay nghề, nâng bậc thợ, để có đủ điều kiện xuất nhập khẩu trực tiếp. Chú trọng phát triển hợp tác xã trong các ngành như: sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu, khai thác tốt tay nghề, nguyên liệu tại chỗ, nhất là các hợp tác xã sản xuất các sản phẩm làng nghề.

*Trong lĩnh vực thương mại:* Hướng dẫn các hợp tác xã mở rộng quy mô hoạt động theo hướng đổi mới phương thức kinh doanh gắn với nhu cầu thị trường, tăng khả năng cạnh tranh. Phát triển hợp tác xã thương mại dịch vụ ở nông thôn, thị trấn để đáp ứng nhu cầu sản xuất, hàng hóa cho tiêu dùng và phục vụ các dịch vụ cho nông dân. Quan tâm hướng dẫn thành lập hợp tác xã chợ, hợp tác xã chuyên tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, liên kết tiêu thụ nông sản với hợp tác xã nông nghiệp và nhân dân trong vùng. Những nơi có yêu cầu và đủ điều kiện thì thành lập liên hiệp hợp tác xã thương mại dịch vụ để vừa hỗ trợ cho các hợp tác xã thành viên vừa phát huy sức mạnh tổng hợp và sức cạnh tranh của toàn ngành.

*Trong lĩnh vực xây dựng:* Tạo điều kiện cho các hợp tác xã nâng cao trình độ cán bộ, vận động thêm vốn góp, kết nạp thêm xã viên và tuyển mới lao động kỹ thuật cao để tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu các công trình lớn. Hiện nay, nhu cầu xây dựng nhà ở và xây dựng công trình giao thông nông thôn rất cần thiết và đa dạng. Bên cạnh ngành nghề xây lắp, chú trọng đến việc cung ứng vật liệu xây dựng, vừa đáp ứng nhu cầu vật tư cho các đơn vị có tư cách pháp nhân vừa đáp ứng nhu cầu vật tư sửa chữa nhỏ trong dân cư.

*Trong lĩnh vực vận tải:* Khuyến khích các hợp tác xã vận tải huy động thêm vốn hoạt động từ các nguồn nhằm mở rộng ngành nghề, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cấp, đổi mới phương tiện vận tải hiện đại để tăng sức cạnh tranh...

Tiến hành rà soát các hộ kinh doanh cá thể trên lĩnh vực sửa chữa phương tiện vận tải, các hộ hành nghề dịch vụ vận tải, các đầu mối bến bãi và các hộ hành nghề liên quan đến giao thông vận tải để vận động tham gia hợp tác xã.

*Trong lĩnh vực tín dụng:* Vận động, tuyên truyền phát triển một số quỹ tín dụng nhân dân ở các địa phương thật sự có nhu cầu và hội đủ điều kiện thành lập. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân hiện có; tạo điều kiện kết nạp thêm thành viên, tăng thêm vốn điều lệ, tăng nguồn vốn hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các quỹ tín dụng nhân dân mở rộng thêm một số hình thức tín dụng mới, mở thêm các phòng giao dịch tại các vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các thành viên, góp phần cùng địa phương phát triển kinh tế.

*Trong các lĩnh vực khác:* Nghiên cứu, học tập mô hình hợp tác xã mới như hợp tác xã nhà ở, hợp tác xã chợ, hợp tác xã trường học, hợp tác y tế... để tuyên truyền, vận động thành lập mới liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã tại các địa phương.

## **II. GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Nhằm đạt các mục tiêu, định hướng đã được đề ra, cần thực hiện các giải pháp chủ yếu sau đây:

### **1. Hoàn thiện cơ chế chính sách và xây dựng bộ máy quản lý nhà nước quản lý nhà nước về kinh tế tập thể**

#### ***1.1. Triển khai hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã sửa đổi***

Luật Hợp tác xã (sửa đổi) nếu được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành, Chính phủ và các Bộ, ngành cần khẩn trương xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn để Luật mới nhanh chóng được áp dụng vào thực tiễn.

#### ***1.2. Thành lập bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể chuyên trách thống nhất từ trung ương tới địa phương, kết hợp với phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan cùng cấp***

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, thực hiện Luật Hợp tác xã (sửa đổi) nếu được Quốc hội thông qua, xây dựng và triển khai đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo hướng tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương.



Bộ máy này có chức năng, nhiệm vụ giám sát, kiểm tra thi hành Luật, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và theo dõi các tổ chức kinh tế tập thể, làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện cơ chế chính sách phát triển kinh tế tập thể, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, phối hợp với các bộ, sở, ngành xử lý các vấn đề có liên quan đến kinh tế tập thể.

***1.3. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện sách đối với hợp tác xã phù hợp với bản chất tổ chức hợp tác xã hỗ trợ thúc đẩy hợp tác xã phát triển bền vững nhưng không ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường cạnh tranh lành mạnh chung của nền kinh tế và tránh bị lạm dụng***

## **2. Tổng kết điển hình và xây dựng mô hình hợp tác xã**

Phát hiện và tổng kết các điển hình tiên tiến, rút ra các bài học và tuyên truyền, phổ biến rộng điển hình.

Xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới để tổng kết kinh nghiệm và nhân rộng; xây dựng mô hình thí điểm nhằm mục tiêu phát triển đa dạng các loại hình hợp tác xã ở các địa phương với các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hoá khác nhau; trên cơ sở đó để tuyên truyền phổ biến và nhân rộng nhiều loại hình hợp tác xã kiểu mới trên toàn quốc.

## **3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể**

Lập kế hoạch và tiến hành giải thể các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, hợp tác xã chuyển đổi hoạt động hình thức.

Hợp tác xã tổ chức lại, củng cố theo đúng bản chất hợp tác xã, phát huy vai trò làm chủ của xã viên; vận động xã viên hợp tác xã góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động hợp tác xã thu hút thêm xã viên, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã cùng ngành nghề và địa bàn hoạt động để tăng tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động của hợp tác xã. Vận động các tổ hợp tác có đủ điều kiện thành lập hợp tác xã.

Giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, xã viên và người lao động trong khu vực kinh tế tập thể về hợp tác xã và bản chất, tính ưu việt của hợp tác xã; trách nhiệm và lợi ích của các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nâng cao hiệu quả sản xuất gắn với phòng ngừa ô nhiễm môi trường, kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi

trường; hợp tác xã bước đầu sử dụng hợp lý tài nguyên và áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường.

#### **4. Phát triển hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể**

Các Bộ, ngành, địa phương chủ động tìm kiếm các đối tác, các tổ chức tài trợ nước ngoài để hỗ trợ hợp tác xã trong quá trình hiện đại hóa và nâng cao năng lực hoạt động để hợp tác xã có thể cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh với các thành phần kinh tế khác.

Liên minh hợp tác xã Việt Nam và các đoàn thể, hội, hiệp hội chủ động quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức hợp tác xã các nước trên thế giới. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực, có hiệu quả của Liên minh hợp tác xã quốc tế và các tổ chức đại diện hợp tác xã của tất cả các nước trên thế giới.

#### **5. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, liên minh hợp tác xã, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể**

Cấp ủy và chính quyền các cấp phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, đoàn thể, liên minh hợp tác xã, hội, hiệp hội trong việc tuyên truyền, vận động thành viên tham gia hợp tác xã, khuyến khích phát triển liên minh/hội/hiệp hội hợp tác xã chuyên ngành, đặc biệt phát huy mạnh mẽ vai trò các đoàn thể có nhiều hội viên có thể tham gia hợp tác xã, như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, v.v.../

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**